| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17 - 9 - 2024.
V/v ly hôn giữa ông T và bà V.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Thanh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Trần Quang Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-DS ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Thái Thành T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 252, đường T, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 252, đường T, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn ông Thái Thành T trình bày: Ông và bà V sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 1998, Ông cùng bà V chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên ông T yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà V. Ông và bà V chung sống với nhau có 02 người con chung tên Thái Ni N, sinh ngày

18 tháng 11 năm 1998 và Thái Nhất H, sinh ngày 07/01/2004. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Võ Thị Cẩm V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Thái Thành T và bà Võ Thị Cẩm V là vợ, chồng có đăng ký kết theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên ông T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà V, bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tụng tố tụng. Đồng thời, bà V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do ông T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông T và bà V có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 11 năm 1998. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc ông T và bà V sống ly thân, bà V được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Bà không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà V là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông T và bà V chung sống với nhâu có 02 người con chung tên Thái Ni N, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1998 và Thái Nhất H, sinh ngày 07/01/2004. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Ông Thái Thành T là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ông Thái Thành T ly hôn bà Võ Thị Cẩm V.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Thành T được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***
**Hồ Thanh Hồng**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.